

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

QUY ĐỊNH
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **3789** /QĐ-ĐHCNGTVT,
ngày **14** tháng **11** năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ GTVT)*

HÀ NỘI, NĂM 2018

Số: **3789**/QĐ-ĐHCNGTVT

Hà Nội, ngày **14** tháng **11** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về hoạt động Khoa học và Công nghệ
của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ về việc Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 52/2007/QĐ-BGTVT ngày 31/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định về quản lý đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ;

Căn cứ Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/5/2011 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

Căn cứ Quyết định số 1296/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 27/4/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải;

Căn cứ tình hình thực tiễn trong công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng Khoa học Đào tạo Trường và Trường phòng Khoa học công nghệ & Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải”.

Điều 2. Quy định này được áp dụng kể từ năm học 2018 – 2019. Các quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Giám đốc Phân hiệu, Giám đốc các cơ sở đào tạo, Trưởng các phòng chức năng, Trưởng các Khoa, Trung tâm và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để t/h);
- Đảng ủy (để b/c);
- Các PHT (để chỉ đạo t/h);
- Lưu VT, KHCN-HTQT.



PGS.TS. Đào Văn Đông

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2018

QUY ĐỊNH
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3789/QĐ-ĐHCNGTVT, ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)

Chương 1
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định các hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) trong Trường Đại học Công nghệ GTVT, bao gồm:

- Định hướng phát triển và kế hoạch KH&CN;
- Thực hiện kế hoạch KH&CN;
- Quản lý hoạt động KH&CN;
- Tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động KH&CN
- Đảm bảo sở hữu trí tuệ
- Khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Quy định này áp dụng đối với cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên, người học trong Trường Đại học Công nghệ GTVT và các tổ chức, cá nhân bên ngoài tham gia hoạt động KH&CN trong Trường.

Điều 2. Vị trí, vai trò của hoạt động khoa học và công nghệ

1. Hoạt động KH&CN là một trong các nhiệm vụ chính của Trường Đại học Công nghệ GTVT.

2. Hoạt động KH&CN có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Trường Đại học Công nghệ GTVT, góp phần thúc đẩy phát triển ngành GTVT và kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Mục tiêu hoạt động khoa học và công nghệ

1. Hoạt động KH&CN nhằm tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp, sản phẩm mới, góp phần hình thành và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học (NCKH) cho cán bộ, giảng viên, giáo viên, nghiên cứu viên, người học và nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Ứng dụng tri thức, công nghệ mới và tạo ra phương thức, giải pháp mới phục vụ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của đất nước, góp phần tạo cơ sở cho hợp tác quốc tế về KH&CN.

3. Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; phát triển tiềm lực KH&CN của đất nước, đóng góp và phát triển kho tàng tri thức, công nghệ của nhân loại.

Điều 4. Nội dung hoạt động khoa học và công nghệ

1. Xây dựng định hướng phát triển KH&CN cho từng giai đoạn và kế hoạch KH&CN cho 5 năm, hằng năm.

2. Đề xuất, tham gia tuyển chọn, triển khai thực hiện và tổ chức quản lý nhiệm vụ KH&CN các cấp, các lĩnh vực nghiên cứu.

3. Hỗ trợ đăng ký và bảo vệ sở hữu trí tuệ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

4. Ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng các vườn ươm công nghệ, gắn phát triển công nghệ với tạo sản phẩm mới có khả năng thương mại cao; thực hiện dịch vụ KH&CN.

5. Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, các phòng thí nghiệm, liên ngành và chuyên ngành phục vụ đào tạo và NCKH.

6. Tổ chức hoạt động NCKH cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

7. Tiến hành các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước về KH&CN.

8. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về hoạt động KH&CN của Nhà trường; trao đổi thông tin KH&CN với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khác ở trong và ngoài nước.

9. Xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường, an toàn lao động, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm.

10. Triển khai các hoạt động KH&CN khác.

Điều 5. Tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ

1. Hằng năm, dành tối thiểu 5% kinh phí từ nguồn thu hợp pháp của Trường để đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN trong Trường. Đảm bảo 20% vốn đối ứng đối với các dự án phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ được đầu tư.

2. Tài chính cho hoạt động KH&CN gồm các nguồn:

a) Từ ngân sách nhà nước;

b) Tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài;

c) Từ quỹ phát triển KH&CN các cấp (quốc gia, bộ, ngành, tỉnh, thành phố, trường đại học, doanh nghiệp);

d) Thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

đ) Trích từ nguồn thu hợp pháp của Nhà trường;

e) Huy động từ các nguồn tài chính hợp pháp khác.

3. Kinh phí cho các đề tài cấp Trường được ưu tiên dành cho các đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng, giải quyết các bài toán thực tiễn đặt ra của Nhà trường, của Ngành Giao thông vận tải, của đất nước và xuất bản bài báo khoa học quốc tế được Hội đồng Khoa học- Đào tạo Nhà trường xét và đề nghị Hiệu trưởng phê duyệt. Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm quyết toán với Phòng Tài chính - Kế toán theo các quy định hiện hành.

4. Kinh phí do cơ quan bên ngoài cấp cho hợp đồng thực hiện đề tài KH&CN với đơn vị bên ngoài Trường (không phải là hợp đồng kinh tế) do Nhà trường làm cơ quan chủ trì (hoặc chủ quản) phải chuyển về tài khoản của Trường. Mức quản lý phí đối với các đề tài thuộc phạm vi quản lý của Nhà trường được quy định theo các quy định tài chính hiện hành. Kinh phí khen thưởng cho các đề tài được cơ quan cấp trên hoặc đơn vị ngoài Trường cấp thuộc quyền sử dụng của những người thực hiện đề tài.

5. Chi cho hoạt động KH&CN từ ngân sách nhà nước và từ các nguồn thu hợp pháp của Nhà trường được áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định của Trường Đại học Công nghệ GTVT.

Chương 2

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ KẾ HOẠCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 6. Xây dựng định hướng phát triển khoa học và công nghệ

Xây dựng định hướng phát triển KH&CN dài hạn từ 10 năm đến 20 năm dựa trên cơ sở chiến lược phát triển của Trường Đại học Công nghệ GTVT; chiến lược phát triển của ngành Giao thông vận tải; của địa phương nơi có cơ sở đào tạo của Nhà trường; chiến lược phát triển KH&CN và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 7. Xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ

1. Xây dựng kế hoạch KH&CN cho 5 năm và hằng năm trên cơ sở định hướng phát triển KH&CN của Trường Đại học Công nghệ GTVT; định hướng, mục tiêu, kế hoạch phát triển KH&CN của nhà nước, bộ, ngành, tỉnh, thành phố và nhu cầu của cơ quan, doanh nghiệp.

2. Kế hoạch KH&CN được xây dựng theo các nội dung hoạt động KH&CN trong Nhà trường và thực hiện tiến độ theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 8. Nội dung kế hoạch khoa học và công nghệ

Nội dung kế hoạch KH&CN bao gồm xây dựng các nhiệm vụ:

1. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ các cấp (cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh thành, cấp Trường) bao gồm đề tài, chương trình, dự án sản xuất thử nghiệm, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ khác.

2. Sở hữu trí tuệ; ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thực hiện dịch vụ KH&CN; tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề đào tạo.

3. Đào tạo và nâng cao trình độ cán bộ quản lý và nghiên cứu khoa học.

4. Các dự án đầu tư phát triển, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, các phòng thí nghiệm trọng điểm, liên ngành và chuyên ngành.

5. Nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh và giảng viên trẻ.

6. Hợp tác KH&CN trong và ngoài nước.

7. Thông tin KH&CN.

8. An toàn - Vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường.

9. Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng sản phẩm.

10. Nhiệm vụ về quản lý khoa học và công nghệ.

11. Tài chính cho hoạt động KH&CN.

12. Tổng kết nhiệm vụ KH&CN hằng năm và theo giai đoạn.

13. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

Điều 9. Quy trình xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ hằng năm

1. Đề xuất nhiệm vụ KH&CN:

a) Hằng năm, căn cứ vào định hướng, mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ của nhà nước, bộ, ngành, tỉnh, thành phố; nhu cầu của cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội, các đơn vị trong Trường đề xuất nhiệm vụ KH&CN, Phòng KHCN-HTQT tập hợp báo cáo Ban giám hiệu và trình với các cơ quan quản lý;

b) Hằng năm căn cứ vào định hướng, mục tiêu phát triển KH&CN của Trường, Trường Đại học Công nghệ GTVT xác định nhiệm vụ KH&CN cấp Trường và các nội dung hoạt động khoa học và công nghệ khác.

2. Tham gia tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

Căn cứ vào danh mục các nhiệm vụ KH&CN đã được các cấp quản lý (cấp nhà nước, bộ, tỉnh và thành phố) phê duyệt và đưa ra tuyển chọn, xét chọn, Nhà trường tổ chức cho các đơn vị, cá nhân trong Trường đăng ký tham gia.

3. Phê duyệt nhiệm vụ KH&CN:

Trường Đại học Công nghệ GTVT phê duyệt các nhiệm vụ KH&CN cấp Trường theo Quy định hoạt động KH&CN của Trường.

Chương 3

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 10. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nhà trường tập trung nguồn lực, tạo mọi điều kiện cần thiết để các tập thể, cá nhân triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp đã được phê duyệt theo các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ KH&CN.

2. Nhà Trường tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi cho các tập thể, cá nhân ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu, các thành tựu KH&CN trong và ngoài nước vào sản xuất, đời sống, phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện dịch vụ KH&CN; tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề đào tạo.

Điều 11. Đánh giá, nghiệm thu và công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nhiệm vụ KH&CN được đánh giá, nghiệm thu căn cứ vào nội dung hoạt động KHCN hoặc hợp đồng triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN.

2. Nhiệm vụ KH&CN các cấp được tổ chức đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ KH&CN.

3. Nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo hợp đồng giữa Nhà trường và các tổ chức, cá nhân được tổ chức đánh giá, nghiệm thu theo thỏa thuận của các bên ghi trong hợp đồng.

4. Nhà trường và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN các cấp có trách nhiệm đăng ký, công bố, nộp báo cáo kết quả cho các cơ quan quản lý theo quy định.

Điều 12. Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ

Nhà trường chủ động tìm kiếm các nguồn vốn khác nhau đầu tư tăng cường các trang thiết bị khoa học mới hiện đại, nâng cấp các phòng thí nghiệm trọng điểm và phòng thí nghiệm chuyên ngành; có kế hoạch duy trì khai thác hiệu quả các phòng thí nghiệm đã được đầu tư phục vụ cho nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đào tạo.

Điều 13. Hợp tác khoa học và công nghệ trong nước và ngoài nước

1. Tổ chức thực hiện kế hoạch hợp tác KH&CN với các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức, cá nhân, các đơn vị sự nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở trong nước; với các trường đại học, các viện nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam cư trú và định cư ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung hợp tác bao gồm:

- a) Các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;
- b) Đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi cán bộ khoa học và các nhóm nghiên cứu;

c) Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, trao đổi thông tin và kinh nghiệm quản lý KHCN;

d) Thành lập cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm chuyên ngành, liên ngành;

đ) Tham gia triển lãm, giải thưởng KH&CN;

3. Nhà trường tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích sự hợp tác giữa các đơn vị và cá nhân trong Trường với các đối tác trong và ngoài nước.

Điều 14. Đào tạo và nâng cao trình độ cán bộ quản lý và nghiên cứu khoa học

Trường Đại học Công nghệ GTVT tiến hành xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ khoa học đầu ngành, cán bộ khoa học trẻ, xây dựng các nhóm nghiên cứu chuyên ngành, liên ngành của trường theo kế hoạch dài hạn, kế hoạch 5 năm và hằng năm thông qua hình thức đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài.

Điều 15. Thông tin về hoạt động khoa học và công nghệ

Nhà trường thực hiện các hoạt động thông tin KH&CN, bao gồm:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động thông tin KH&CN.

2. Tổ chức tìm kiếm, thu thập, xử lý các dữ liệu, số liệu, dữ kiện, tin tức, tri thức nhằm tạo lập nguồn tin KH&CN (sách, báo, tạp chí, tập san KHCN, cơ sở dữ liệu, tài liệu hội nghị, hội thảo khoa học, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tài liệu về sở hữu trí tuệ, tài liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, luận văn, luận án sau đại học và các nguồn tin khác được tổ chức, cá nhân thu thập).

3. Quản lý, lưu giữ nguồn tin KH&CN; cung cấp, trao đổi thông tin khoa học và công nghệ; tham gia vào hệ thống thông tin - thư viện chung của các trường đại học trong và ngoài nước.

4. Xây dựng các cơ sở dữ liệu tổng hợp trên cổng thông tin điện tử của Trường phục vụ công tác quản lý, thống kê, tra cứu và trang thông tin điện tử về khoa học và công nghệ; ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

5. Xuất bản Tạp chí Khoa học và Công nghệ Giao thông để công bố kết quả nghiên cứu và hoạt động khoa học và công nghệ của Trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Tổ chức các hoạt động thư viện, hội nghị, hội thảo, triển lãm, hội chợ về KH&CN, hội chợ công nghệ và thiết bị.

Điều 16. Nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên

1. Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích sinh viên, học viên (sau đây gọi là người học) tham gia NCKH; cử cán bộ, giảng viên hướng dẫn và hỗ trợ kinh phí cho các đề tài NCKH của người học. Hằng năm, dành tối thiểu 3% kinh phí từ nguồn thu học phí hệ chính quy của Trường để cho người học hoạt động nghiên cứu khoa học.

2. Để tạo điều kiện giúp người học nghiên cứu khoa học, Trường cho phép thành lập các Câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, sáng tạo ở các Khoa chuyên ngành. Những Câu lạc bộ có chương trình hoạt động tốt, có định hướng nghiên cứu cụ thể sẽ được Nhà trường hỗ trợ kinh phí để hoạt động và tham gia các cuộc thi nghiên cứu sáng tạo trong và ngoài nước.

3. Hằng năm Nhà trường tổ chức Hội nghị nghiệm thu đề tài NCKH và tổng kết hoạt động KHCN của người học trong năm; tuyên dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể đạt thành tích trong hoạt động NCKH và đề xuất, phát động phong trào NCKH của người học cho năm tiếp theo. Các đề tài đạt giải cao sẽ được gửi tham gia xét Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” danh cho sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Người học tham gia NCKH có đề tài được nghiệm thu sẽ được Nhà trường cấp giấy chứng nhận và tùy theo kết quả đạt được sẽ được khen thưởng. Cán bộ, giảng viên hướng dẫn cho người học làm NCKH được tính khối lượng KHCN và xét khen thưởng tùy theo mức độ thành công của các đề tài.

Chương 4

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 17. Tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

1. Nhà Trường giao Phòng KHCN - HTQT thực hiện nhiệm vụ chuyên trách quản lý hoạt động KH&CN.

2. Các đơn vị, tổ chức trực tiếp thực hiện hoạt động KH&CN trong Trường bao gồm các Phân hiệu, Cơ sở đào tạo, Trung tâm, Phòng, Khoa, Bộ môn trực thuộc Trường, các tổ chức dịch vụ KH&CN và tổ chức phục vụ hoạt động KH&CN.

3. Các tổ chức, cá nhân thực hiện chỉ đạo hoạt động KH&CN trong Trường gồm:

- a) Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường;
- b) Hội đồng Khoa;
- c) Hiệu trưởng.

Điều 18. Nội dung quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

1. Ban hành và tổ chức thực hiện quy định hoạt động KH&CN của Trường theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giao thông vận tải.

2. Xây dựng định hướng phát triển KH&CN của Trường cho từng giai đoạn.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm và hằng năm.

4. Huy động các nguồn tài chính cho hoạt động KH&CN và sử dụng nguồn tài chính theo quy định hiện hành.

5. Khen thưởng và đề xuất khen thưởng các cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên có kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ xuất sắc.

6. Định kỳ thanh tra, kiểm tra, tổng kết, đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ của Trường; xét khen thưởng các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và xử lý các vi phạm theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm, 5 năm và báo cáo đột xuất về kết quả hoạt động KH&CN của Trường với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các địa phương nơi trường đặt cơ sở đào tạo.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

1. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ của Trường.

2. Ban hành các quy định về hoạt động KH&CN của Trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành liên quan về hoạt động KH&CN.

3. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN của Trường, Phân hiệu, Cơ sở đào tạo, Khoa, Viện, Trung tâm gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

4. Tổ chức huy động các nguồn vốn khác nhau cho hoạt động khoa học và công nghệ và sử dụng nguồn vốn theo nguyên tắc hiệu quả và phát triển tài năng trẻ.

5. Khen thưởng và vinh danh các cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên có kết quả nghiên cứu khoa học xuất sắc.

6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện kế hoạch hoạt động KH&CN.

Điều 20. Chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên trách trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

Phòng KHCN – HTQT được Hiệu trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong việc quản lý hoạt động KH&CN của Trường như sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng liên quan tổ chức thực hiện các nội dung quản lý hoạt động KH&CN theo Điều 18 của văn bản này.

2. Quản lý việc tổ chức, thực hiện hoạt động KH&CN của các đơn vị, tổ chức trực thuộc Trường; tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Trường.

Điều 21. Nhiệm vụ của các đơn vị, tổ chức trực tiếp thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ

1. Phân hiệu, Cơ sở đào tạo, Viện, Trung tâm, Phòng, Khoa, Bộ môn trực thuộc Trường:

- Xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN hằng năm của đơn vị căn cứ vào định hướng, mục tiêu phát triển KH&CN chung của Nhà trường và của đơn vị;
- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN;
- Phối hợp với Phòng KHCN-HTQT và các phòng chức năng có liên quan quản lý chất lượng hoạt động KH&CN; xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ KH&CN.

2. Bộ môn trực thuộc Khoa, Trung tâm, Viện:

- Bộ môn có nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thực hiện các dịch vụ KH&CN theo kế hoạch của Trường và Khoa;
- Chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo tổ chức KH&CN, sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học với hoạt động sản xuất và đời sống xã hội, bổ sung nguồn tài chính cho Trường;
- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ khoa học của Bộ môn; tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn;
- Tổ chức đánh giá công tác quản lý hoạt động KH&CN của cá nhân, của Bộ môn, của Khoa và của Trường theo yêu cầu của Trường khoa, Hiệu trưởng, Hội đồng khoa học và đào tạo;
- Thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN trong lĩnh vực chuyên môn của Bộ môn;
- Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN của Bộ môn.

3. Viện, Trung tâm nghiên cứu trong Trường là tổ chức nghiên cứu và phát triển cấp cơ sở, được thành lập và hoạt động theo Luật Khoa học và Công nghệ, có các nhiệm vụ sau:

- Triển khai các nhiệm vụ KH&CN, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng;
- Tham gia đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn, gắn hoạt động KH&CN với đào tạo và thực tế sản xuất, kinh doanh.

4. Doanh nghiệp trong Trường có nhiệm vụ tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm là kết quả nghiên cứu và hàng hoá dịch vụ thuộc các ngành nghề mà pháp luật không cấm hoặc thực hiện các dịch vụ KH&CN gắn với chức năng, nhiệm vụ chuyên môn của Trường nhằm đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống, góp phần gắn nhà trường với xã hội, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, góp phần phát triển thị trường công nghệ.

5. Các tổ chức dịch vụ KH&CN và các tổ chức phục vụ hoạt động KH&CN (phòng thí nghiệm, xưởng thực hành) có chức năng, nhiệm vụ được xác định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và trong quyết định thành lập.

Điều 22. Nhiệm vụ và quyền hạn của các tổ chức tư vấn trong Trường về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

1. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường tư vấn cho Hiệu trưởng về: định hướng phát triển khoa học và công nghệ, kế hoạch hoạt động KH&CN, giao nhiệm vụ KH&CN; xây dựng và sửa đổi các quy chế, quy định về hoạt động KH&CN; đánh giá công tác quản lý và thực hiện hoạt động KH&CN của các đơn vị trong Trường.

2. Các hội đồng tư vấn do Hiệu trưởng thành lập để tư vấn cho Hiệu trưởng về những vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động KH&CN.

Điều 23. Trách nhiệm quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của các đơn vị nghiệp vụ

1. Phòng Tổ chức cán bộ chủ trì phối hợp với Phòng KHCN - HTQT xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ KHCN của Trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

2. Phòng Tài chính - Kế toán chủ trì phối hợp với Phòng KHCN - HTQT giúp Hiệu trưởng quản lý các nguồn kinh phí, các hoạt động thu, chi và báo cáo quyết toán trong hoạt động KHCN theo quy định hiện hành.

3. Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo Sau đại học phối hợp với Phòng KHCN - HTQT để triển khai công tác gắn đào tạo với nghiên cứu KHCN.

4. Các trung tâm, phòng thực hành - thí nghiệm chủ trì phối hợp với Phòng KHCN - HTQT xây dựng kế hoạch duy trì và tăng cường năng lực thiết bị cho các phòng thí nghiệm; tạo điều kiện để các cán bộ, giảng viên thực hiện nhiệm vụ KHCN.

Điều 24. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên

Nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ bắt buộc của giảng viên. Trong năm học, giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và được quy đổi thành 150 giờ chuẩn giảng dạy.

Các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học gồm:

1. Chủ trì hoặc tham gia tổ chức, chỉ đạo, thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ các cấp.

2. Nghiên cứu khoa học và công nghệ để phục vụ xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá môn học.

3. Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4. Viết chuyên đề, tham luận tại các hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước.

5. Tham gia báo cáo tại các hội thảo khoa học của khoa, bộ môn, đơn vị; hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học.

6. Thực hiện các hợp đồng nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

7. Tư vấn về chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật, kinh tế, chính trị, xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn của giảng viên.

8. Tổ chức và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học và công nghệ.

9. Thâm nhập thực tiễn, phổ biến kiến thức khoa học phục vụ đời sống.

10. Tham gia các cuộc thi sáng tạo và các hoạt động khác về khoa học và công nghệ.

(Quy định về quy đổi các hoạt động khoa học công nghệ thành giờ chuẩn giảng dạy trong Phụ lục kèm theo)

Chương 5

TIÊU CHUẨN NĂNG LỰC VÀ ĐẠO ĐỨC TRONG HOẠT ĐỘNG KH&CN

Điều 25. Tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động KH&CN

1. Tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động KHCN là mức độ yêu cầu và điều kiện đối với cán bộ, giảng viên Trường Đại học Công nghệ GTVT tham gia các hoạt động KHCN.

2. Tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động KHCN nhằm giúp các cá nhân, đơn vị trong Trường có cơ sở để đánh giá và tự đánh giá, giúp Trường có những chính sách và kế hoạch phát triển KHCN phù hợp, qua đó thúc đẩy hoạt động KHCN, đảm bảo chất lượng trong hoạt động KHCN và sở hữu trí tuệ của cá nhân, đơn vị cũng như của Trường.

Điều 26. Tiêu chuẩn năng lực trong các hoạt động KHCN

1. Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khoa học và công nghệ của Đảng và Nhà nước; nắm bắt được tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và các yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn đối với lĩnh vực nghiên cứu; những thành tựu và xu hướng phát triển KHCN, những tiến bộ khoa học và công nghệ quan trọng trong nước và trên thế giới liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu.

2. Có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực nghiên cứu; có khả năng nghiên cứu và áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, tư vấn chuyển giao công nghệ.

3. Có trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ KHCN.

4. Có khả năng tổ chức và kết nối các nhà nghiên cứu có năng lực trong và ngoài Trường để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5. Có khả năng tổ chức hướng dẫn sinh viên, người học tham gia nghiên cứu khoa học; hướng dẫn thảo luận, hướng dẫn sinh viên phương pháp nghiên cứu có hiệu quả; phát hiện năng lực sở trường của từng sinh viên để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và định hướng nghiên cứu.

6. Có năng lực sử dụng ngoại ngữ, tin học để phục vụ hoạt động khoa học công nghệ.

7. Hoàn thành nhiệm vụ KHCN trong từng năm học theo quy định hiện hành.

Điều 27. Tiêu chuẩn đạo đức trong các hoạt động KHCN

1. Tâm huyết với nghề nghiệp, giữ gìn danh dự, lương tâm của nghề nghiệp; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có lòng nhân ái, vị tha; đánh giá công bằng và đúng năng lực của đồng nghiệp; tôn trọng nhân cách, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của đồng nghiệp và thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của cơ quan và của Ngành.

2. Nghiêm túc và trung thực, đảm bảo trích dẫn đúng thể thức, chính xác và cung cấp đầy đủ thông tin về nguồn trích dẫn; tuân thủ các quy định liên quan khi sử dụng kết quả nghiên cứu hoặc sản phẩm, tác phẩm, công trình của người khác; kiên quyết chống gian lận trong nghiên cứu khoa học và xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

3. Có tinh thần hợp tác, giúp đỡ các đồng nghiệp và biết tiếp thu những ý kiến đóng góp phê bình trong thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động giáo dục khác.

Chương 6

ĐẢM BẢO SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 28. Sở hữu trí tuệ tại Trường Đại học Công nghệ GTVT

1. Trường Đại học Công nghệ GTVT khuyến khích các đơn vị, cá nhân trong Trường trực tiếp đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu và sản phẩm KH&CN tại Cục Sở hữu Trí tuệ. Trường Đại học Công nghệ GTVT có quyền làm chủ sở hữu các tài sản, trí tuệ là kết quả, sản phẩm của các nghiên cứu, nhiệm vụ và hoạt động KH&CN do Trường cấp kinh phí. Các tác giả được đứng tên tác giả và được phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ phù hợp khi các quyền sở hữu trí tuệ này được chuyển giao hoặc thương mại hóa.

2. Đối với nghiên cứu có hợp tác và hỗ trợ từ các nguồn khác, việc phân chia sở hữu trí tuệ sẽ dựa trên tỷ lệ đầu tư.

Điều 29. Đảm bảo sở hữu trí tuệ tại Trường Đại học Công nghệ GTVT

1. Trường Đại học Công nghệ GTVT quản lý kết quả, sản phẩm của các nghiên cứu, nhiệm vụ và hoạt động KH&CN tại Trường. Việc sử dụng các kết quả, sản phẩm của các nghiên cứu phải được thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và các quy định khác có liên quan của Nhà nước và của Trường.

2. Để chuyển giao các kết quả NCKH, phát triển công nghệ và sản phẩm ứng dụng của các đề tài nhiệm vụ và hoạt động KHCN phải có đơn đề nghị của chủ trì đề tài và được Nhà trường cho phép bằng văn bản.

Chương 7

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 30. Khen thưởng

1. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân, thực hiện tốt nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ quản lý khoa học và công nghệ sẽ được Hiệu trưởng xem xét khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Kết quả và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ của những năm trước là căn cứ quan trọng để Nhà trường giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho năm kế hoạch tiếp theo.

3. Thành tích khen thưởng về hoạt động khoa học và công nghệ là một trong những căn cứ để đánh giá cán bộ, viên chức trong công tác bình bầu, xếp loại thi đua hàng năm.

Điều 31. Xử lý vi phạm

1. Các hình thức vi phạm:

a) Lợi dụng hoạt động KHCN để xuyên tạc, chống lại đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; làm trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc;

b) Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

c) Không trung thực trong hoạt động KHCN;

d) Không hoàn thành nhiệm vụ KHCN của năm học theo quy định hiện hành.

2. Xử lý vi phạm

Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, các đơn vị, tổ chức và cá nhân sẽ bị xem xét xử lý theo một hoặc một số hình thức sau:

- Phải bồi hoàn toàn bộ kinh phí đã được Nhà trường cấp cho nhiệm vụ, hoạt động KHCN được giao;

- Đối với những giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định, Hiệu trưởng căn cứ mức độ, hoàn cảnh cụ thể để xem xét khi đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan, đồng thời số giờ không hoàn thành nhiệm vụ KHCN sẽ qui đổi thành giờ chuẩn để giảm trừ vào số giờ giảng dạy vượt định mức giờ chuẩn khi thanh toán tiền dạy thêm giờ;

- Tập thể, cá nhân vi phạm chế độ, chính sách của Nhà nước trong hoạt động KHCN thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.


Chương 8

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị trong toàn Trường, các nhà khoa học và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện Quy định này.

2. Phòng KHCN-HTQT có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy định này trong toàn Trường.

3. Quy định này được áp dụng thống nhất về hoạt động khoa học và công nghệ trong toàn Trường. Trong quá trình thực hiện, nếu có ý kiến đề xuất sửa đổi hoặc bổ sung, các đơn vị phản ánh về Ban Giám hiệu thông qua Phòng KHCN - HTQT để trình Hiệu trưởng xem xét quyết định. / 

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đào Văn Đông

Phụ lục

QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG KHCN RA GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY

I. Các hoạt động khoa học và công nghệ được quy định ra giờ chuẩn giảng dạy

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng giờ chuẩn (GC)
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>
I	ĐỀ TÀI, NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH KHCN CÁC CẤP		
1.1	Đề tài NCKH cấp trường		
1.1.1	Thực hiện nghiên cứu	Đề tài	150
1.1.2	Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, ủy viên phản biện:		
	+ Cấp Trường	Đề tài	15
	+ Cấp Khoa	Đề tài	10
1.1.3	Thư ký khoa học, ủy viên Hội đồng nghiệm thu:		
	+ Cấp Trường	Đề tài	10
	+ Cấp Khoa	Đề tài	5
1.1.4	Thành viên Hội đồng xét duyệt đề cương:		
	+ Cấp Trường	Đề tài	5
	+ Cấp Khoa	Đề tài	3
1.2	Đề tài, nhiệm vụ KHCN, dự án SXTN cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố; chuyên đề của đề tài Nhà nước; đề tài theo dự án quốc tế, Nghị định thư		
1.2.1	Thực hiện nghiên cứu	Đề tài	750
1.2.2	Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, ủy viên phản biện:		
	+ Cấp cơ quan quản lý	Đề tài	50
	+ Cấp cơ sở	Đề tài	30
1.2.3	Thư ký khoa học, ủy viên Hội đồng nghiệm thu:		
	+ Cấp cơ quan quản lý	Đề tài	30
	+ Cấp cơ sở	Đề tài	20
1.2.4	Thành viên Hội đồng xét duyệt đề cương / đề xuất:		
	+ Cấp cơ quan quản lý	Đề tài	15
	+ Cấp cơ sở	Đề tài	10
1.3	Đề tài, nhiệm vụ KHCN; dự án SXTN; Chương trình KHCN cấp Nhà nước		
1.3.1	Thực hiện nghiên cứu	Đề tài	1.500
1.3.2	Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, ủy viên phản biện:		
	+ Cấp cơ quan quản lý	Đề tài	100

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng giờ chuẩn (GC)
(1)	(2)	(3)	(4)
	+ Cấp cơ sở	Đề tài	50
1.3.3	Thư ký khoa học, ủy viên Hội đồng nghiệm thu:		
	+ Cấp cơ quan quản lý	Đề tài	50
	+ Cấp cơ sở	Đề tài	30
1.3.4	Thành viên Hội đồng xét duyệt đề cương / đề xuất:		
	+ Cấp cơ quan quản lý	Đề tài	30
	+ Cấp cơ sở	Đề tài	20
1.4	Hoạt động sáng kiến, sáng tạo kỹ thuật		
1.4.1	Sáng kiến cải tiến cấp Trường:		
	+ Thực hiện nội dung	Sáng kiến	75
	+ Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, ủy viên phản biện	Sáng kiến	10
	+ Thư ký khoa học, ủy viên Hội đồng nghiệm thu	Sáng kiến	5
1.4.2	Tham gia cuộc thi NCKH, sáng tạo kỹ thuật cấp Bộ, Tỉnh hoặc tương đương đạt giải:		
	+ Giải nhất	Công trình	750
	+ Giải nhì	Công trình	500
	+ Giải ba	Công trình	300
	+ Giải khuyến khích	Công trình	200
	+ Giấy chứng nhận tham gia	Công trình	100
1.4.3	Tham gia cuộc thi NCKH, sáng tạo kỹ thuật cấp Quốc gia		
	+ Giải nhất	Công trình	1.500
	+ Giải nhì	Công trình	1200
	+ Giải ba	Công trình	1000
	+ Giải khuyến khích	Công trình	500
	+ Giấy chứng nhận tham gia	Công trình	200
1.5	Hướng dẫn sinh viên NCKH		
1.5.1	Giảng viên hướng dẫn	Đề tài	100
1.5.2	Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, ủy viên phản biện		
	+ Cấp Trường	Đề tài	10
	+ Cấp Khoa	Đề tài	5
1.5.3	Thư ký khoa học, ủy viên Hội đồng nghiệm thu		
	+ Cấp Trường	Đề tài	5
	+ Cấp Khoa	Đề tài	3

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng giờ chuẩn (GC)
(1)	(2)	(3)	(4)
1.5.4	Thành viên Hội đồng xét duyệt đề cương:		
	+ Cấp Trường	Đề tài	3
	+ Cấp Khoa	Đề tài	2
1.5.5	Hướng dẫn sinh viên tham gia cuộc thi NCKH, sáng tạo kỹ thuật cấp Nhà nước, Bộ, Tỉnh hoặc tương đương đạt giải:		
	+ Giải nhất	Công trình	300
	+ Giải nhì	Công trình	250
	+ Giải ba	Công trình	200
	+ Giải khuyến khích	Công trình	150
	+ Không đạt giải	Công trình	100
II	BÀI BÁO CÔNG BỐ TRÊN CÁC TẠP CHÍ KHOA HỌC UY TÍN, CHẤT LƯỢNG, CÓ PHẢN BIỆN		
2.1	Tạp chí khoa học quốc tế:		
	+ Thuộc danh mục ISI	Bài	750
	+ Thuộc danh mục Scopus, ESCI	Bài	500
2.2	Tạp chí khoa học trong nước:		
	+ Tạp chí khoa học của Trường ĐH Công nghệ GTVT	Bài	180
	+ Tạp chí trong nước thuộc danh mục được HĐ CDGSNN tính điểm	Bài	150
2.3	Phản biện bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành:		
	+ Tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI	Bài	100
	+ Tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus, ESCI	Bài	70
	+ Tạp chí trong nước thuộc danh mục được HĐ CDGSNN tính điểm	Bài	15
III	BIÊN SOẠN SÁCH, GIÁO TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO, XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		
3.1	Biên soạn sách chuyên khảo	Quyển	500
3.2	Biên soạn giáo trình đại học	Tín chỉ	150
3.3	Biên soạn giáo trình Sau đại học	Tín chỉ	200
3.4	Biên soạn tài liệu tham khảo, sách bài tập, sách	Tín chỉ	75

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng giờ chuẩn (GC)
(1)	(2)	(3)	(4)
	hướng dẫn thí nghiệm, sách biên dịch		
3.5	Tái bản có bổ sung giáo trình	Tín chỉ	50
3.6	Chủ tịch, phản biện Hội đồng nghiệm thu		
	+ Cấp Trường	Tín chỉ	30
	+ Cấp Khoa	Tín chỉ	15
3.7	Ủy viên, thư ký Hội đồng nghiệm thu		
	+ Cấp Trường	Tín chỉ	20
	+ Cấp Khoa	Tín chỉ	10
3.8	Tham gia xây dựng chương trình đào tạo	Chương trình	300
IV	CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ, TƯ VẤN KỸ THUẬT, KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI		
4.1	Thực hiện tư vấn kỹ thuật trong hợp đồng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của Trường, dự án ứng dụng, phát triển khoa học công nghệ mới có kinh phí:		
	50 ÷ 250 triệu đồng	Hợp đồng	100
	250 ÷ 500 triệu đồng	Hợp đồng	150
	> 500 triệu đồng	Hợp đồng	300
4.2	Tham gia thực hiện các dự án KH-CN, đào tạo trong Trường:		
	+ Lập dự án, xây dựng tính năng kỹ thuật dự án	Dự án	30
	+ Tham gia tổ tiếp nhận đào tạo chuyển giao công nghệ	Ngày/người	5
V	HỘI NGHỊ / HỘI THẢO, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC		
5.1	Báo cáo hội nghị / hội thảo khoa học quốc tế:		
	+ Có phản biện	Báo cáo	250
	+ Không có phản biện	Báo cáo	150
5.2	Báo cáo hội nghị / hội thảo khoa học quốc gia:		
	+ Có phản biện	Báo cáo	200
	+ Không có phản biện	Báo cáo	100
5.3	Báo cáo hội thảo ngành/ chuyên ngành cấp trường đại học hoặc tương đương:		
	+ Có phản biện	Báo cáo	100
	+ Không có phản biện	Báo cáo	50

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng giờ chuẩn (GC)
(1)	(2)	(3)	(4)
5.4	Báo cáo hội thảo ngành/ chuyên ngành:		
	+ Cấp Khoa	Báo cáo	75
	+ Cấp Bộ môn	Báo cáo	30
5.5	Tham gia Hội đồng chấm luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ		
	Chủ tịch Hội đồng, ủy viên phản biện:		
	+ Luận án tiến sĩ các cấp	Luận án	100
	+ Luận văn thạc sĩ	Luận văn	30
	Thư ký khoa học, ủy viên Hội đồng:		
	+ Luận án tiến sĩ các cấp	Luận án	50
	+ Luận văn thạc sĩ	Luận văn	20
	Nhận xét tóm tắt luận án tiến sĩ	Luận án	20
VI	CÁC HOẠT ĐỘNG KHCN KHÁC		
6.1	Góp ý nhận xét nhiệm vụ KHCN theo yêu cầu các cơ quan cấp Bộ, cấp Tỉnh hoặc tương đương	Góp ý	30
6.2	Tham gia trả lời phỏng vấn, đối thoại trên các phương tiện truyền thông chính thống góp phần xây dựng và phát triển Trường, Ngành, lĩnh vực và đất nước.	Lần	50
6.3	Lập báo cáo đề xuất KHCN theo yêu cầu của Nhà trường	Báo cáo	50
6.4	Tham gia thực hiện dự án hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ với các đối tác của Nhà trường	Dự án	100
6.5	Một số hoạt động khác tùy theo nội dung, ý nghĩa khoa học cụ thể, Hội đồng KH-ĐT sẽ đề xuất Hiệu trưởng quyết định số giờ chuẩn giảng dạy.		

*** Một số lưu ý:**

- Khối lượng NCKH trong một năm học được tính từ ngày 01 tháng 8 của năm hiện tại đến ngày 30 tháng 7 của năm tiếp theo. Khối lượng NCKH được thực hiện trong năm học nào thì chỉ được tính trong năm học đó.
- Khối lượng NCKH được tính sau khi nhiệm vụ KHCN được hoàn thành hoặc được nghiệm thu và chỉ tính cho các thành viên chính thức thực hiện nhiệm vụ KHCN.
- Trường hợp hoạt động KHCN do một tác giả thực hiện thì được hưởng toàn bộ khối lượng NCKH của hoạt động đó.

- Trường hợp hoạt động KHCN do nhóm tác giả thực hiện thì phân chia khối lượng NCKH như sau:

+ Nhóm tác giả trên 03 người: Chủ trì chính hưởng 1/3 tổng giờ chuẩn, 2/3 còn lại chia đều cho các thành viên khác;

+ Nhóm tác giả có 03 người: Chủ trì chính hưởng 1/2 tổng giờ chuẩn, 1/2 còn lại chia đều cho 02 thành viên khác;

+ Nhóm tác giả có 02 người: Chủ trì chính hưởng 2/3 tổng giờ chuẩn, thành viên còn lại hưởng 1/3 tổng giờ chuẩn.

Chủ trì chính (tác giả chính) là tác giả đầu (first author) hoặc là tác giả chịu trách nhiệm tiếp nhận thông tin (corresponding author).

- Trường hợp hoạt động KHCN được thực hiện trong nhiều năm thì khối lượng NCKH được chia đều theo số năm thực hiện.

- Bài báo khoa học được tính khối lượng NCKH và được hỗ trợ kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường trong các trường hợp sau:

+ Bài báo đăng trên các Tạp chí khoa học trong nước có tên trong danh mục tạp chí được tính điểm của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước.

+ Bài báo đăng trên Tạp chí quốc tế có uy tín, có chất lượng thuộc danh mục ISI và Scopus nằm trong danh mục ESCI của web of science và không nằm trong danh mục các tạp chí, nhà xuất bản không có uy tín được liệt kê trong trang web có đường dẫn sau: <https://predatoryjournals.com/journals/>

- Điều kiện để được công nhận khối lượng NCKH và được hỗ trợ kinh phí:

+ Cá nhân tham gia các hoạt động KHCN trong và ngoài Trường, trong hồ sơ thực hiện phải ghi rõ địa chỉ cơ quan công tác là Trường Đại học Công nghệ GTVT, 54 Triều Khúc- Thanh Xuân- Hà Nội và sử dụng hộp thư điện tử giao dịch theo tên miền do Nhà trường cấp (ví dụ: nguyenvana@utt.edu.vn)

+ Sau tối đa 01 (một) tháng kể từ ngày số báo xuất bản, cá nhân phải kê khai thông tin hoạt động khoa học công nghệ trong hồ sơ cá nhân trên trang web của Nhà trường và nộp bản cứng (01 bản phô tô) về Phòng KHCN&HTQT và bản mềm qua email: phongkcn@utt.edu.vn.

II. Phương pháp và thủ tục kê khai khối lượng khoa học và công nghệ cuối năm học

a) Cuối năm học, giảng viên có trách nhiệm kê khai theo mẫu thống nhất do Nhà trường quy định có xác nhận của Trường đơn vị và nộp bổ sung minh chứng về Phòng KHCN-HTQT để quản lý và thực hiện các thủ tục để tính khối lượng công tác và xét thi đua khen thưởng. Trường các đơn vị chịu trách nhiệm trước Nhà trường về tính xác thực của bảng kê khai và minh chứng của cán bộ, giảng viên, giáo viên mà đơn vị quản lý.

b) Phòng KHCN-HTQT chịu trách nhiệm thẩm định và xác định kết quả giờ chuẩn từ các hoạt động KHCN của giảng viên và trình Ban Giám hiệu phê duyệt./.